

Phiếu An Toàn Hóa Chất

Tên Vật Liệu: Methanol

Mã định danh Phiếu An Toàn
Hóa Chất: Methanol-VT

Mục 1: Nhận diện

Định danh sản phẩm

Tên Vật Liệu

Methanol

Từ đồng nghĩa

Methyl alcohol, wood alcohol, methyl hydroxide

Họ Hóa chất

alcol

Mô Tả Sản Phẩm

CAS #: 67-56-1. EC #: 200-659-6. Số UN: 1230.

Công dụng của sản phẩm

Sử dụng công nghiệp: Sản xuất chất. Phân phối chất. Pha chế & đóng gói (lại) chất và hỗn hợp. Sử dụng làm nhiên liệu. Sử dụng trong các chất làm sạch. Sử dụng làm thuốc thử thí nghiệm. Hóa chất xử lý nước, nước thải. Sử dụng nghề nghiệp: Sử dụng làm nhiên liệu. Sử dụng trong các chất làm sạch. Sử dụng làm thuốc thử thí nghiệm. Sử dụng trong các hoạt động khoan và sản xuất dầu khí. Sử dụng tiêu dùng: Sử dụng tiêu dùng các chất làm sạch và chất phá băng: Phun xịt, sản phẩm lỏng. Sử dụng tiêu dùng các nhiên liệu.

Các Hạn Chế về việc Sử Dụng

Không phát hiện được gì

Thông tin chi tiết về nhà cung cấp phiếu an toàn hóa chất

Methanex Corporation

1800 Waterfront Centre,

200 Burrard Street, V6C 3M1 - Canada

Điện thoại: +1 604 661 2600

Số điện thoại khẩn cấp

CHEMTREC Vietnam (Hà Nội): +(84)-444581771. NCEC: +44 (0) 1235 239 670 (24/7).

MỤC 2: Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân Loại theo GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Chất Lỏng Dễ Cháy - Nhóm 2

Độc Tính Cấp Tính - Qua Miệng - Nhóm 3

Độc tính cấp tính - Qua Da - Nhóm 3

Độc Tính Cấp Tính - Qua Hô Hấp - Hơi - Nhóm 3

Tổn Thương Mất Nghiêm Trọng/Kích Ứng Mạnh cho Mắt - Nhóm 2A

Độc Tính Sinh Sản - Nhóm 1A

Độc Tính Đối Với Cơ Quan Đích Đặc Hiệu - Tiếp Xúc Một Lần - Nhóm 1 (hệ thần kinh trung ương , võng mạc , độc tính toàn thân , thần kinh thị giác)

Độc Tính Đối Với Cơ Quan Đích Đặc Hiệu - Tiếp Xúc Một Lần - Nhóm 3

Các thành phần của nhãn

Ký hiệu nguy cơ

Phiếu An Toàn Hóa Chất

Tên Vật Liệu: Methanol

Mã định danh Phiếu An Toàn
Hóa Chất: Methanol-VT



Từ Cảnh Báo

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy cơ

Chất lỏng và hơi rất dễ cháy.

Độc hại nếu nuốt.

Độc hại khi tiếp xúc với da.

Độc nếu hít phải.

Gây kích ứng nghiêm trọng cho mắt.

Có thể gây tổn hại cho khả năng sinh sản hoặc thai nhi.

Gây tổn thương cho các cơ quan.

Có thể gây kích ứng đường hô hấp. Có thể gây thờ thẫn hoặc chóng mặt.

Biện pháp phòng ngừa

Phòng ngừa

Xin hướng dẫn đặc biệt trước khi dùng.

Không được thao tác khi chưa đọc và hiểu tất cả các biện pháp để phòng an toàn.

Giữ bình chứa đóng kín.

Tránh xa nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần/các bề mặt nóng - Không hút thuốc.

Tiếp đất/nối điện cho dụng cụ dụng và thiết bị tiếp nhận.

Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng có khả năng chống nổ.

Sử dụng các biện pháp để phòng hiện tượng phóng tĩnh điện.

Chỉ sử dụng các dụng cụ không gây ra tia lửa.

Chỉ dùng ngoài trời hoặc ở nơi thông gió tốt.

Sử dụng Trang Bị Bảo Hộ Cá Nhân theo yêu cầu.

Sử dụng găng tay bảo hộ/quần áo bảo hộ/phương tiện bảo vệ mắt/mặt.

Không hít bụi/khói/khí/sương/hơi/bụi xịt.

Rửa cẩn thận sau khi thao tác.

Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.

Ứng cứu

Trong trường hợp cháy: Sử dụng chất chữa cháy phù hợp.

Nếu bị tiếp xúc: Liên hệ TRUNG TÂM CHẤT ĐỘC hoặc bác sĩ.

NẾU HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và để nghỉ ngơi trong tư thế dễ hít thở.

NẾU BỊ VẮNG VÀO MẮT: Rửa mắt kỹ với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa.

NẾU BỊ DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Ngay lập tức loại bỏ/cởi tất cả quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa vùng da bằng nước/tắm.

Giặt sạch quần áo bị nhiễm bẩn trước khi sử dụng lại.

NẾU NUỐT PHẢI: Liên hệ ngay với TRUNG TÂM CHẤT ĐỘC hoặc bác sĩ.

Súc miệng.

Liên hệ TRUNG TÂM CHẤT ĐỘC hoặc bác sĩ.

Biện pháp điều trị đặc biệt (xem nhãn).

Phiếu An Toàn Hóa Chất

Tên Vật Liệu: Methanol

Mã định danh Phiếu An Toàn
Hóa Chất: Methanol-VT

Cất giữ

Bảo quản ở nơi thoáng khí. Giữ dụng cụ chứa thật kín.

Giữ mát.

Bảo quản bằng cách khóa chặt.

Thải bỏ

Vứt bỏ vật liệu bên trong/dụng cụ chứa theo các quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.

Các Nguy Cơ Khác Không Dẫn Đến Phải Phân Loại

Chất độc. Có thể chết người nếu nuốt phải. Có nguy cơ mù nếu nuốt phải.

MỤC 3: Thông tin về thành phần các chất

CAS	Tên thành phần	Phần Trăm
67-56-1	Metanol	100

Tạp chất và phụ gia ổn định góp phần vào Phân Loại GHS

Không có

Mục 4: Các biện pháp sơ cứu

Mô tả các Biện Pháp Cần Thiết

Hít phải

NẾU HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng nếu và giữ cho họ được dễ thở. Nếu khó thở, cho thở oxy. Liên hệ ngay với TRUNG TÂM CHẤT ĐỘC hoặc bác sĩ.

Tiếp xúc với da

NẾU BỊ DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Ngay lập tức loại bỏ/cởi tất cả quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa với nhiều nước. Liên hệ ngay với TRUNG TÂM CHẤT ĐỘC hoặc bác sĩ. Giặt sạch quần áo bị nhiễm bẩn trước khi sử dụng lại.

Tiếp xúc với mắt

NẾU BỊ VĂNG VÀO MẮT: Lập tức rửa mắt bằng nước trong ít nhất 15 phút, đồng thời mở banh mí mắt ra. Tháo bỏ kính áp tròng nếu có và dễ làm. Tiếp tục rửa. Tìm y tế chăm sóc nếu bị kích ứng mà không khỏi.

Ăn phải

NẾU NUỐT PHẢI: Súc miệng. KHÔNG gây nôn. Không bao giờ cho vào miệng người bất tỉnh bất cứ thứ gì. Tìm y tế chăm sóc ngay.

Các Triệu Chứng/Tác Dụng Quan Trọng Nhất

Triệu chứng: Tức Thờ

Chất độc. Có thể chết người nếu nuốt phải. Có nguy cơ mù nếu nuốt phải. Ngộ độc nếu nuốt phải, tiếp xúc với da hoặc hít phải. Hít phải có thể gây buồn nôn, yếu ớt và các tác dụng trên hệ thần kinh trung ương, nhức đầu, nôn ói, chóng mặt, triệu chứng say. Sau khi tiếp xúc nhiều có thể bị hôn mê và tử vong do bị suy hô hấp: Cần điều trị y tế. Một giai đoạn ngất ngảm nhiều giờ có thể xảy ra kể từ khi tiếp xúc đến khi xuất hiện các triệu chứng.

Triệu chứng: Chạm Xảy Ra

Có thể gây tổn hại cho khả năng sinh sản hoặc thai nhi.

Dấu hiệu cần thiết phải được bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và điều trị đặc biệt

Điều trị triệu chứng và hỗ trợ. Mức độ nghiêm trọng của kết cục sau khi ăn phải methanol có thể liên quan nhiều đến thời gian kể từ lúc ăn phải cho đến khi điều trị hơn là lượng ăn phải. Do vậy, cần điều trị nhanh chóng cho mọi trường hợp tiếp xúc do ăn phải. Gọi cho TRUNG TÂM CHẤT ĐỘC. Thuốc giải độc: Fomepizole hỗ trợ đào thải acid formic do chuyển hóa. Thuốc giải độc phải được nhân viên y tế đủ trình độ cho dùng.

Mục 5: Các biện pháp chữa cháy

Phiếu An Toàn Hóa Chất

Tên Vật Liệu: Methanol

Mã định danh Phiếu An Toàn
Hóa Chất: Methanol-VT

Chất chữa cháy phù hợp

cacbon dioxyt, bột khô thông thường, nước xịt, bọt chịu alcol, cát. Sử dụng nước xịt để làm nguội dụng cụ đựng tiếp xúc với lửa cháy. Nước không làm nguội được methanol ở dưới điểm chớp cháy của nó. Thu gom lượng tràn đổ.

Chất Chữa Cháy Không Phù Hợp

Không sử dụng dòng nước phun áp lực cao.

Nguy cơ đặc biệt phát sinh từ hóa chất

Chất lỏng và hơi rất dễ cháy. Hỗn hợp >20% methanol với nước có tính chất dễ cháy. Có thể tạo thành hỗn hợp nổ với không khí. Hơi nặng hơn không khí và có thể di chuyển trên mặt đất đến nguồn gây cháy ở xa rồi bắt lửa ngược về. Bình chứa có thể thủng hoặc nổ nếu để cho tiếp xúc với nhiệt. Các khí nguy hiểm có thể tích tụ trong không gian hạn chế, độc.

Trang Bị Bảo Hộ Và Biện Pháp Đề Phòng Cho Nhân Viên Chữa Cháy

Mặc đầy đủ dụng cụ bảo vệ chữa cháy bao gồm dụng cụ thở khép kín (SCBA) để bảo vệ khỏi các phơi nhiễm.

Các Biện Pháp Chữa Cháy

Không để nước chữa cháy chảy xuống cống rãnh hoặc kênh rạch. Người không có trách nhiệm cần tránh xa, cô lập khu vực hiểm họa, không cho vào.

Phản ứng cháy

Phóng thích ra khí độc, hơi. cacbon monoxyt, cacbon dioxyt, formaldehyde.

Mục 6: Các biện pháp xử lý rò rỉ bất ngờ

Các biện pháp đề phòng cho người, trang bị bảo hộ và quy trình xử lý khẩn cấp

Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp. Đưa thùng chứa ra khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không gặp nguy hiểm. Không hít khí/khói/hơi/bụi xịt. Tránh tiếp xúc với da và mắt.

Các biện pháp đề phòng cho môi trường

Tránh phóng thích ra môi trường. Có thể bị phân hủy sinh học ở nồng độ thấp. Tan trong nước. Khi được phóng thích, sản phẩm này dự kiến sẽ bốc hơi. Liên hệ với cơ quan chức năng trong trường hợp bị ô nhiễm vào đất và môi trường nước hay xả vào cống rãnh. Thái bỏ theo tất cả các luật pháp và quy định hiện hành của liên bang, bang/khu vực và địa phương.

Các Phương Pháp Ngăn Chặn

Sử dụng trang phục bảo hộ và kính mắt/kính che mặt thích hợp. Chặn nguồn rò rỉ nếu có thể làm được mà không nguy hiểm. Không đụng chạm hoặc bước qua vật liệu bị tràn đổ. Sơ tán ra khỏi khu vực ngay và đứng ở phía đầu gió của vật liệu tràn đổ. Bảo đảm thông khí đầy đủ. Tránh hít phải sương hoặc hơi. Tránh tiếp xúc với mắt, da, và quần áo. Loại bỏ tất cả các nguồn lửa. Tránh ma sát, tĩnh điện và tia lửa.

Các Phương Pháp Làm Sạch

Lượng tràn đổ nhỏ: Dùng cát hoặc vật liệu không cháy khác để thấm hút. Sử dụng các dụng cụ và thiết bị không gây tia lửa. Thu gom vật liệu bị tràn đổ vào dụng cụ đựng phù hợp để thải bỏ. Làm sạch bề mặt bị nhiễm cẩn thận.

Lượng tràn đổ lớn: Ngăn chặn vật liệu bị phóng thích bằng cách đắp chất hấp thụ quanh khu vực cần ngăn chặn. Có thể dùng bọt ức chế hơi để làm giảm lượng hơi. Thu gom vật liệu tràn đổ vào dụng cụ đựng phù hợp để sử dụng lại hoặc thải bỏ.

Mục 7: Thao tác và bảo quản

Các biện pháp đề phòng cho thao tác an toàn

Sử dụng ở khu vực thông khí tốt. Sử dụng quần áo và trang bị bảo hộ cá nhân, xem mục 8. Loại bỏ tất cả các nguồn gây cháy. Không hút thuốc. Không vào khu vực kín trừ khi đã được thông khí đầy đủ. Làm sạch các khu vực ô nhiễm/tràn đổ càng sớm càng tốt sau khi xảy ra. Khử nhiễm cho người, khu vực tràn đổ và tất cả các dụng cụ và thiết bị. Dùng thiết bị chống nổ. Sử dụng biện pháp vệ sinh công nghiệp tốt khi thao tác với vật liệu này. Rửa tay và các vùng tiếp xúc khác bằng xà phòng ít gây kích ứng và nước trước khi ăn, uống hoặc hút thuốc và ra khỏi nơi làm

Phiếu An Toàn Hóa Chất

Tên Vật Liệu: Methanol

Mã định danh Phiếu An Toàn
Hóa Chất: Methanol-VT

việc. Các dụng cụ đựng đã rỗng hết cũng có thể chứa dư lượng của sản phẩm này; do đó, cũng cần phải làm việc cẩn thận với dụng cụ đựng rỗng hết. Không hít hơi.

Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi tính chất tương kỵ

Bảo quản ở nơi thoáng khí. Giữ dụng cụ chứa thật kín.

Giữ mát.

Bảo quản bằng cách khóa chặt.

Chỉ giữ/bảo quản trong dụng cụ đựng ban đầu. Bảo vệ tránh ánh nắng chiếu trực tiếp, tránh xa nhiệt, nước, và các vật liệu tương kỵ. Tiếp đất/nối điện cho dụng cụ đựng và thiết bị tiếp nhận. Cung cấp các phương tiện chữa cháy phù hợp và thiết bị làm sạch vật liệu tràn đổ tại hoặc gần nơi cất giữ. Cất giữ ở nhiệt độ phòng. Cất giữ ở nơi khô. Cất giữ ở trong phòng chống cháy. Giữ người không được phép tránh xa.

Các Vật Liệu Tương Kỵ

Chì, Nhôm, kẽm, chất oxy hóa, axit mạnh, các chất kiềm mạnh, polyethylene, PVC (Polyvinyl chloride), nitrile

Mục 8: Kiểm soát tiếp xúc/bảo vệ cá nhân

Hướng Dẫn Về Tiếp Xúc

Giới Hạn Tiếp Xúc Của Thành Phần

Metanol	67-56-1
ACGIH:	200 ppm Đo trung bình theo thời gian
	250 ppm Mức tiếp xúc từng lần tối đa
	Da - có khả năng đóng góp đáng kể vào mức độ tiếp xúc chung theo đường da
NIOSH:	200 ppm Đo trung bình theo thời gian ; 260 mg/m ³ Đo trung bình theo thời gian
	250 ppm Mức tiếp xúc từng lần tối đa ; 325 mg/m ³ Mức tiếp xúc từng lần tối đa
	Khả năng hấp thụ qua da
OSHA (Hoa Kỳ):	200 ppm Đo trung bình theo thời gian ; 260 mg/m ³ Đo trung bình theo thời gian
OSHA (Bãi bỏ):	200 ppm Đo trung bình theo thời gian ; 260 mg/m ³ Đo trung bình theo thời gian
	250 ppm Mức tiếp xúc từng lần tối đa ; 325 mg/m ³ Mức tiếp xúc từng lần tối đa
	Ngăn ngừa hoặc làm giảm sự hấp thụ da
Việt Nam:	50 mg/m ³ Đo trung bình theo thời gian
	100 mg/m ³ Mức tiếp xúc từng lần tối đa

ACGIH – Ngưỡng Giá Trị Giới Hạn – Chỉ Số Tiếp Xúc Sinh Học (BEI)

Metanol (67-56-1)

15 mg/L Medium: nước tiểu Time: cuối ca Parameter: metanol (nền, không đặc trưng)

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Phiếu An Toàn Hóa Chất

Tên Vật Liệu: Methanol

Mã định danh Phiếu An Toàn
Hóa Chất: Methanol-VT

Cung cấp phương tiện thông khí tại chỗ đầy đủ để giữ cho mức tiếp xúc của công nhân thấp hơn giới hạn tiếp xúc. Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng có khả năng chống nổ. Thao tác với chất trong hệ thống kín. Tiếp đất/nối điện cho dụng cụ dụng và thiết bị tiếp nhận. Duy trì điểm rửa mắt và tắm ướt nhanh tại nơi làm việc.

TRANG BỊ BẢO HỘ CÁ NHÂN

Phương tiện bảo vệ mắt/mặt

Đeo kính an toàn chống văng bắn có bộ phận che mắt.

Trang Phục Bảo Hộ

Sử dụng quần áo chống hóa chất để phòng ngừa tiếp xúc với da.

Các đề nghị về găng tay

Đeo găng tay chống hóa chất phù hợp.

Vật Liệu Bảo Vệ

cao su thiên nhiên, neoprene, cao su butyl

Bảo Vệ Đường Hô Hấp

Bất kỳ mặt nạ nào cung cấp không khí có bộ phận che toàn mặt hoạt động ở chế độ cung cấp áp suất theo yêu cầu hoặc chế độ áp suất dương khác. Phương tiện bảo vệ hô hấp phải được chọn theo mức tiếp xúc đã biết hoặc dự đoán, nguy cơ của sản phẩm và giới hạn làm việc an toàn của phương tiện bảo vệ hô hấp được chọn.

Mục 9: Các tính chất vật lý và hóa học

Ngoại quan	trong suốt	Trạng Thái Vật Lý	dạng lỏng
Mùi	mùi cồn	Màu	không màu
Ngưỡng Phát Hiện Mùi	4.2 - 5960 ppm	pH	Không áp dụng
Điểm Chảy	-97.8 °C	Điểm Sôi	64.7 °C
Vùng Nhiệt Độ Sôi	Không có	Điểm đông	-97.6 °C
Tốc Độ Bay Hơi	4.1 (butyl acetate = 1)	Khả năng cháy (rắn, khí)	Không áp dụng
Nhiệt Độ Tự Bốc Cháy	464 °C	Điểm Chớp Cháy	11 °C
Giới Hạn Nổ Dưới	5.5 %	Nhiệt Độ Phân Hủy	Không có
Giới Hạn Nổ Trên	36.5 %	Áp Suất Hơi	12.8 kPa (@ 20 °C)
Tỷ Khối Hơi (không khí = 1)	1.1 (@ 20 °C)	Trọng lượng riêng (nước = 1)	792 kg/m ³
Độ Tan Trong Nước	Không có	Hệ Số Phân Tách: n-octanol/nước	-0,77 (giá trị logarit)
Độ Nhớt	0.8 cP (20 °C, động)	Độ nhớt động học	Không có

Phiếu An Toàn Hóa Chất

Tên Vật Liệu: Methanol

Mã định danh Phiếu An Toàn
Hóa Chất: Methanol-VT

Độ tan (trong các chất khác)	Không có	Tỷ trọng	0.791 - 0.793 at 20 °C
VOC	100 %	Trọng Lượng Phân Tử	32.04 (g/mol)
Nhiệt Độ Tới Hạn	239.4 °C	Tính chất oxy hóa	Không oxy hóa
Tính Chất Nổ	Hơi có thể tạo thành hỗn hợp nổ với không khí		

Khả Năng Trộn Lẫn Với Dung Môi

Có thể trộn lẫn

Trộn lẫn được với nước.

Mục 10: Độ bền và khả năng phản ứng

Khả năng phản ứng

Bình chứa có thể thủng hoặc nổ nếu để cho tiếp xúc với nhiệt.

Độ bền hóa học

Bền trong các điều kiện sử dụng bình thường. Khi sử dụng có thể tạo thành hỗn hợp hơi - không khí dễ cháy/nổ. Sản phẩm có tính hút ẩm.

Khả năng gây phản ứng nguy hiểm

Sẽ không polyme hóa.

Các điều kiện cần tránh

Tránh nhiệt, ngọn lửa, tia lửa và các nguồn lửa khác. Bình chứa có thể thủng hoặc nổ nếu để cho tiếp xúc với nhiệt. Tránh ánh nắng trực tiếp.

Vật Liệu Cần Tránh (Vật Liệu Tương Kỵ)

Chì, Nhôm, kẽm, chất oxy hóa, axit mạnh, các chất kiềm mạnh, polyethylene, PVC (Polyvinyl chloride), nitrile

Các sản phẩm phân hủy nguy hại

Nhiệt, carbon monoxide, carbon dioxide, khí dễ cháy, formaldehyde

Mục 11: Thông tin về độc tính

Độc Tính Trường Diễn và Cấp Tính

Chất độc. Ngộ độc nếu nuốt phải, tiếp xúc với da hoặc hít phải. Có nguy cơ mù nếu nuốt phải.

Phân Tích Thành Phần - LD50/LC50

Các thành phần của vật liệu này đã được kiểm tra lại ở nhiều nguồn khác nhau và các tiêu chí đánh giá sau đây đã được công bố:

Metanol (67-56-1)

LD50 (liều bán tử) qua miệng chuột (rat) 5600 mg/kg

LD50 (liều bán tử) qua da thỏ 15800 mg/kg

LC50 (Nồng độ bán tử) qua hô hấp chuột (rat) 64000 ppm 4 h

Giá Trị Ước Tính Độ Độc Cấp Tính

qua da	300 mg/kg
Sự Hít Vào – Hơi	3 mg/L

Phiếu An Toàn Hóa Chất

Tên Vật Liệu: Methanol

Mã định danh Phiếu An Toàn
Hóa Chất: Methanol-VT

qua miệng	100 mg/kg
-----------	-----------

Các Tác Dụng Tức Thời

Chất độc. Ngộ độc nếu nuốt phải, tiếp xúc với da hoặc hít phải. Có thể chết người nếu nuốt phải. Có nguy cơ mù nếu nuốt phải. Gây kích ứng nghiêm trọng cho mắt. Gây tổn thương cho các cơ quan. Hít phải có thể gây buồn nôn, yếu ớt và các tác dụng trên hệ thần kinh trung ương, nhức đầu, nôn ói, chóng mặt, triệu chứng say, kích ứng đường hô hấp. Sau khi tiếp xúc nhiều có thể bị hôn mê và tử vong do bị suy hô hấp: Cần điều trị y tế. Một giai đoạn ngâm ngâm nhiều giờ có thể xảy ra kể từ khi tiếp xúc đến khi xuất hiện các triệu chứng.

Các Tác Dụng Chậm Xảy Ra

Có thể gây tổn hại cho khả năng sinh sản hoặc thai nhi.

Dữ liệu về Khả năng Kích ứng/Ấn mồn

Gây kích ứng nghiêm trọng cho mắt. Có thể gây kích ứng đường hô hấp.

Tổn Thương/Kích Ứng Mắt Nghiêm Trọng

Gây kích ứng nghiêm trọng cho mắt.

Gây Mẫn Cảm Đường Hô Hấp

Không có dữ liệu.

Gây mẫn cảm da

Không có dữ liệu.

Khả năng gây ung thư

Khả Năng Gây Ung Thư Của Thành Phần

Không có thành phần nào của sản phẩm này có tên trong danh mục của ACGIH, IARC, NTP, DFG hoặc OSHA.

Dữ liệu về Gây Đột Biến Gen

Không có dữ liệu.

Dữ Liệu Về Các Tác Dụng Trên Sinh Sản

Có thể gây tổn hại cho khả năng sinh sản hoặc thai nhi.

Độc Tính Đối Với Cơ Quan Đích Đặc Hiệu - Tiếp Xúc Một Lần

hệ thần kinh trung ương, võng mạc, toàn thân, thần kinh thị giác

Độc Tính Đối Với Cơ Quan Đích Đặc Hiệu - Tiếp Xúc Nhiều Lần

Chưa xác định được cơ quan đích nào.

Nguy cơ sặc vào phổi

Không áp dụng

Các Bệnh Sẽ Nặng Thêm khi Tiếp Xúc

Không có dữ liệu.

Mục 12: Thông tin về sinh thái

Độc tính sinh thái

Tránh phóng thích ra môi trường.

Độc Tính Cho Môi Trường Nước

Metanol	67-56-1
Cá:	Nồng Độ Bán Từ LC50 96 h Pimephales promelas 28200 mg/L [chảy qua]; Nồng Độ Bán Từ LC50 96 h Pimephales promelas >100 mg/L [Tĩnh]; Nồng Độ Bán Từ LC50 96 h Cá hồi vân (Oncorhynchus mykiss) 19500 - 20700 mg/L [chảy qua]; Nồng Độ Bán Từ LC50 96 h Cá hồi vân (Oncorhynchus mykiss) 18 - 20 mL/L [Tĩnh]; Nồng Độ Bán Từ LC50 96 h Cá Lepomis macrochirus 13500 - 17600 mg/L [chảy qua]

Phiếu An Toàn Hóa Chất

Tên Vật Liệu: Methanol

Mã định danh Phiếu An Toàn
Hóa Chất: Methanol-VT

Tảo:	EC50 (nồng độ tác dụng 50%) 72 hr Tảo selenastrum capricornutum 22000 mg/l
Động vật không xương sống:	EC50 (nồng độ tác dụng 50%) 48 hr Bọ nước daphnia >10000 mg/l

Độ bền

Phân hủy nhanh.

Khả năng tích tụ sinh học

Hệ số tích lũy sinh học (BCF): < 10

Khả năng di chuyển trong Chất Mang Của Môi Trường

dễ di chuyển

Các tác dụng có hại khác

Không có thông tin thêm.

Mục 13: Xem xét về việc thải bỏ

Các Phương Pháp Thải Bỏ

Vứt bỏ vật liệu bên trong/dụng cụ chứa theo các quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế. Không nén, cắt, gia nhiệt hoặc hàn dụng cụ đựng. Dụng cụ đựng sản phẩm đã rỗng hết vẫn có thể chứa dư lượng của sản phẩm.

Không sử dụng lại dụng cụ đựng đã rỗng hết. Thu hồi tái chế nếu được.

Thải bỏ bao bì đã bị nhiễm

Thải bỏ theo tất cả các quy định hiện hành..

Mục 14: Thông tin về vận chuyển

Thông tin về IATA:

Tên vận chuyển: metanol

Nhóm Hiểm Họa: 3

UN#: UN1230

Nhóm Đóng Gói: II

(Các) Nhãn Cần Có: 3, 6.1

Thông tin về ICAO:

Tên vận chuyển: metanol

Nhóm Hiểm Họa: 3

UN#: UN1230

Nhóm Đóng Gói: II

(Các) Nhãn Cần Có: 3, 6.1

Thông tin về IMDG:

Tên vận chuyển: metanol

Nhóm Hiểm Họa: 3

UN#: UN1230

Nhóm Đóng Gói: II

(Các) Nhãn Cần Có: 3, 6.1

Mã Quốc Tế của Hóa Chất Khối Lượng Lớn

Phiếu An Toàn Hóa Chất

Tên Vật Liệu: Methanol

Mã định danh Phiếu An Toàn
Hóa Chất: Methanol-VT

Vật liệu này có chứa một hoặc nhiều hóa chất sau đây mà Bộ luật quốc tế về cấu trúc và thiết bị của tàu vận chuyển xô hóa chất nguy hiểm (IBC Code) yêu cầu phải được xem là hóa chất nguy hiểm vận chuyển xô.

Metanol	67-56-1
Bộ luật quốc tế về cấu trúc và thiết bị của tàu vận chuyển xô hóa chất nguy hiểm:	Loại Y

Các biện pháp đề phòng đặc biệt

Không có

Mục 15: Đặc Điểm Kỹ Thuật và Quy Định Pháp Lý cần Tuân Thủ

Các Quy Định của Việt Nam

Luật Hóa Chất - Phụ lục I - Hóa Chất Có Điều Kiện

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong Luật Hóa Chất của Việt Nam - Phụ lục I - Hóa Chất Có Điều Kiện.

Luật Hóa Chất - Phụ lục II - Hóa Chất Bị Hạn Chế

Metanol	67-56-1
	Hiện tại áp dụng

Luật Hóa Chất - Phụ lục III - Hóa Chất Bị Cấm

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong Luật Hóa Chất của Việt Nam - Phụ lục III - Hóa Chất Bị Cấm.

Luật Hóa Chất - Phụ Lục IV - Hóa Chất Phải Xây Dựng Kế Hoạch Phòng Ngừa Sự Cố Bất Ngờ và Ứng Cứu

Metanol	67-56-1
	500000 kg

Luật Hóa Chất - Phụ Lục V - Hóa Chất Phải Thông Báo

Metanol	67-56-1
	29051100

Luật Hóa Chất - Phụ lục VI - Hóa Chất Độc

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong Luật Hóa Chất của Việt Nam - Phụ lục VI - Hóa Chất Độc.

Luật Hóa Chất - Phụ Lục VII - Hóa Chất Nguy Hại Cần Xây Dựng Các Biện Pháp Phòng Ngừa Sự Cố Bất Ngờ và Ứng Cứu

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong Luật Hóa Chất của Việt Nam - Phụ Lục VII - Hóa Chất Nguy Hại Cần Xây Dựng Các Biện Pháp Phòng Ngừa Sự Cố Bất Ngờ và Ứng Cứu.

Các Hóa Chất Bị Cấm Nhập và Xuất Khẩu

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong danh mục Hóa Chất Cấm Nhập Khẩu và Xuất Khẩu.

Hàng Công Nghiệp Nguy Hiểm Cần Kế Hoạch Ứng Cứu Khẩn Cấp

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong danh mục Hàng Công Nghiệp Nguy Hiểm Cần Kế Hoạch Ứng Cứu Khẩn Cấp của Việt Nam.

Các Hóa Chất Nguy Hại Cần Đăng Ký Sử Dụng trong Lĩnh Vực Công Nghiệp

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong danh mục Hóa Chất Nguy Hại Cần Đăng Ký Sử Dụng trong Lĩnh Vực Công Nghiệp của Việt Nam.

Các Chất Tiêu Hủy Tầng ozon Cần Giấy Phép và Hạn Ngạch Nhập Khẩu

Phiếu An Toàn Hóa Chất

Tên Vật Liệu: Methanol

Mã định danh Phiếu An Toàn
Hóa Chất: Methanol-VT

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong danh mục Chất Tiêu Hủy Tầng Ozon Cần Giấy Phép Nhập Khẩu và Hạn Ngạch Nhập Khẩu của Việt Nam.

**Phân Tích Thành Phần - Danh Mục
Metanol (67-56-1)**

Ho a Kỳ	Canada	EU	Úc	P H	JP - ENC S	JP - ISH L	KR KEC I - Phụ Lục 1	KR KECI - Phụ Lục 2	Hàn Quốc - REAC H Đăng Ký, Đánh Giá, Cấp Phép và Hạn Chế các Hóa Chất) và CCA (Đạo Luật Kiểm Soát Hóa Chất)	Trun g Quốc	New Zealan d	M X	T W	VN (Dự thảo)
CÓ	Danh Mục Hóa Chất Nội Địa (DSL)	EI N	C Ó	C Ó	CÓ	CÓ	CÓ	KHÔNG	CÓ	CÓ	CÓ	CÓ	CÓ	CÓ

Mục 16: Thông tin khác

Ngày Biên Soạn và Sửa Đổi

Phiếu An Toàn Hóa Chất Mới: Ngày 3 Tháng 7 Năm 2018

Chú Dẫn/Chú Giải

ACGIH - Hội Nghị Chuyên Gia Vệ Sinh Công Nghiệp của Chính Phủ Hoa Kỳ; ADR - Quy Định về Vận Chuyển Đường Bộ Châu Âu; AU - Úc; BOD - Nhu Cầu Oxy Sinh Hóa; C - Celsius; CA - Canada; CA/MA/MN/NJ/PA - California/Massachusetts/Minnesota/New Jersey/Pennsylvania*; CAS - Dịch Vụ Thông Tin Hóa Chất Tóm Tắt; CERCLA (Đạo Luật Tổng Quát về Ứng Cứu, Bồi Thường, và Trách Nhiệm Môi Trường; CFR - Bộ Luật Dựa Trên Các Quy Định Của Liên Bang (Hoa Kỳ); CLP - Phân Loại, Ghi Nhãn và Đóng Gói; CN - Trung Quốc; CPR - Quy

Phiếu An Toàn Hóa Chất

Tên Vật Liệu: Methanol

Mã định danh Phiếu An Toàn
Hóa Chất: Methanol-VT

Định về các Sản Phẩm Cần Kiểm Soát; DFG - Quỹ Tài Trợ Nghiên Cứu của Đức Quốc; DOT (Bộ Giao Thông Vận Tải); DSD - Hướng Dẫn về Chất Nguy Hiểm; DSL - Danh Mục Hóa Chất Nội Địa; EC - Ủy Ban Châu Âu; EEC - Cộng Đồng Kinh Tế Châu Âu; EIN - Danh mục của Châu Âu về (Các Hóa Chất Thương Mại Hiện Hành); EINECS - Danh mục Hóa Chất Hiện Hành của châu Âu; ENCS - Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành và Hóa Chất Mới của Nhật Bản; EPA - Cơ Quan Bảo Vệ Môi Trường; EU - Liên Hiệp Châu Âu; F - Fahrenheit; F - Nền (đối với Chỉ Số Phơi Nhiễm Sinh Học ở Venezuela); IARC - Cơ Quan Nghiên Cứu Ung Thư Quốc Tế; IATA - Hiệp Hội Vận Chuyển Hàng Không Quốc Tế; ICAO - Hiệp Hội Hàng Không Dân Sự Quốc Tế; IDL - Danh Sách Các Thành Phần Công Bô; IDLH - Nguy Hiểm Tức Thời cho Cuộc Sống và Sức Khỏe; IMDG - Quy Định Quốc Tế Về Vận Chuyển Đường Biển Hàng Nguy Hiểm; ISHL - Luật An Toàn và Sức Khỏe Công Nghiệp của Nhật Bản; IUCLID: Cơ Sở Dữ Liệu Thống Nhất Quốc Tế Về Thông Tin Hóa Chất; JP - Nhật Bản; Kow - Hệ số phân tách octanol/nước; KECI - Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành của Hàn Quốc; KR KECI Annex 1 - Korea Existing Chemicals Inventory (KECI) / Korea Existing Chemicals List (KECL); KR - Hàn Quốc; LD50/LC50 - Liều Tử Vong/ Nồng Độ Tử Vong; LD50/LC50 - Liều Gây Tử Vong/ Nồng Độ Gây Tử Vong; LEL - Giới Hạn Nở Dưới; LLV - Trị Số Giới Hạn của Nồng Độ; LOLI - Danh Sách các Danh Sách™ - Cơ Sở Dữ Liệu Quy Định của ChemADVISOR; MAK - Giá Trị Nồng Độ Tối Đa tại Nơi Làm Việc; MEL - Giới Hạn Tiếp Xúc Tối Đa; MX - Mexico; Ne - Không cụ thể; NFPA - Hội Phòng Chống Hỏa Hoạn Quốc Gia; NIOSH - Viện Quốc Gia về An Toàn Lao Động và Bệnh Nghề Nghiệp; NJTSR - Cơ Sở Dữ Liệu Bí Mật Thương Mại của New Jersey; Nq - Không định lượng; NSL - Danh Mục Hóa Chất Ngoài Danh Mục Hóa Chất Nội Địa (Canada); NTP - Chương Trình Chất Độc Quốc Gia; NZ - New Zealand; OSHA - Cơ Quan Quản Lý An Toàn Lao Động và Sức Khỏe Nghề Nghiệp; PEL - Giới Hạn Tiếp Xúc Cho Phép; PH - Philippin; RCRA - Đạo Luật Bảo Tồn & Khôi Phục Tài Nguyên; REACH - Đăng Ký, Đánh Giá, Cấp Phép và Hạn Chế Hóa Chất; RID - Quy Định về Vận Chuyển Đường Sắt tại Châu Âu; SARA - Đạo Luật Sửa Đổi và Cấp Phép Chương Trình Nhận Diện-Xử Lý-Ngăn Ngừa Phát Tán Chất Độc Quốc Gia; Sc - Bán định lượng; STEL - Giới Hạn Tiếp Xúc Ngắn Hạn; CCA - Luật Kiểm Soát Hóa Chất Độc của Hàn Quốc.; TDG - Quy Định về Vận Chuyển Hàng nguy hiểm; TLV - Giá Trị Giới Hạn Ngưỡng; TSCA - Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc; TW - Đài Loan; TWA - Nồng Độ Bình Quân Theo Thời Gian; UEL - Giới Hạn Nở Trên; UN/NA - Liên Hiệp Quốc /Bắc Mỹ; US - Hoa Kỳ; VLE - Giá Trị Giới Hạn Tiếp Xúc (Mexico); VN (Dự thảo) - Việt Nam (Dự thảo); WHMIS - Hệ Thống Thông Tin Vật Liệu Nguy Hiểm Tại Nơi Làm Việc (Canada).

Thông tin khác

Tuyên bố miễn trách:

Thông tin trên đây được tin là chính xác và đó là thông tin tốt nhất hiện nay chúng tôi có. Người sử dụng phải tự tìm hiểu để xác định tính phù hợp của thông tin với mục đích cụ thể của họ. Tài liệu này được dự định để hướng dẫn cách làm việc có biện pháp để phòng phù hợp với vật liệu cho người đã được tập huấn phù hợp khi sử dụng sản phẩm này. Methanex Corporation và các chi nhánh trực thuộc không có bất kỳ tuyên bố hay sự bảo đảm nào, dù được diễn tả rõ ràng hay ngụ ý, kể cả nhưng không chỉ là bảo đảm về khả năng thương mại, tính phù hợp với một mục đích cụ thể về thông tin nêu tại đây hay sản phẩm mà thông tin đó đề cập đến. Do đó, Methanex Corporation sẽ không chịu trách nhiệm về những thiệt hại này sinh từ việc sử dụng hay dựa vào thông tin này.